

Điểm chuẩn trường Đại học Giao thông Vận tải dao động từ 16,19 - 27,52 điểm

12:21 23/08/2025

Sáng 23/8, trường Đại học Giao thông Vận tải công bố điểm chuẩn đại học chính quy năm 2025.

Năm nay, điểm chuẩn trường Đại học Giao thông Vận tải dao động từ 16,19 - 27,52. Trong đó, ngành có điểm cao nhất là Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Ngành thấp nhất là Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (Chương trình CLC Công trình giao thông đô thị Việt - Nhật).

Trường Đại học Giao thông vận tải năm nay tuyển khoảng 6.300 sinh viên cho cả cơ sở Hà Nội và TP. HCM, với bốn phương thức: xét điểm thi tốt nghiệp THPT và học sinh đoạt giải quốc gia, quốc tế; xét học bạ THPT; dựa vào điểm thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội và TP. HCM, điểm thi đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội.

TT	Mã xét tuyển	Ngành xét tuyển	Điểm trúng tuyển theo từng phương thức				Tiêu chí phụ (Thứ tự nguyên vọng, chỉ áp dụng với thí sinh có Tổng điểm xét tuyển bằng điểm trúng tuyển)
			Điểm thi	Học bạ	ĐGNL	ĐGTD	
1	7220201	Ngôn ngữ Anh	25.33	26.88	89.77	---	TTNV <= 7
2	7310101	Kinh tế	25.15	26.76	88.69	---	TTNV <= 10
3	7340101	Quản trị kinh doanh	25.41	26.94	90.25	---	TTNV <= 3
4	7340101 QT	Quản trị kinh doanh (Chương trình CLC Quản trị kinh doanh Việt - Anh)	22.63	25.08	77.94	---	TTNV <= 4
5	7340201	Tài chính - Ngân hàng	25.86	27.23	92.93	---	TTNV <= 8
6	7340301	Kế toán	25.41	26.93	90.22	---	TTNV <= 2
7	7340301 QT	Kế toán (Chương trình CLC Kế toán tổng hợp Việt - Anh)	21.15	24.09	72.75	---	TTNV <= 2
8	7460112	Toán ứng dụng	24.15	26.09	---	57.14	TTNV <= 6
9	7480101	Khoa học máy tính	24.35	---	---	57.70	TTNV <= 5
10	7480106	Kỹ thuật máy tính	23.95	---	83.07	56.57	TTNV <= 11
11	7480201	Công nghệ thông tin	23.70	---	---	55.89	TTNV <= 4
12	7480201 QT	Công nghệ thông tin (Chương trình CLC Công nghệ thông tin Việt - Anh)	23.10	25.39	---	54.47	TTNV <= 2
13	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	27.52	28.34	102.95	---	TTNV <= 2
14	7520103	Kỹ thuật cơ khí	25.95	27.29	---	63.29	TTNV = 1
15	7520103 QT	Kỹ thuật cơ khí (Chương trình CLC Cơ khí ô tô Việt - Anh)	22.78	25.18	---	53.80	TTNV <= 8
16	7520107	Kỹ thuật robot	24.20	---	84.22	57.28	TTNV <= 9
17	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	24.93	---	---	59.30	TTNV <= 2
18	7520115	Kỹ thuật nhiệt	24.71	26.46	---	58.68	TTNV = 1
19	7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	23.82	25.87	---	56.22	TTNV <= 2
20	7520116 DS	Kỹ thuật cơ khí động lực (chuyên ngành Kỹ thuật phương tiện đường sắt tốc độ cao)	22.63	25.08	---	53.49	TTNV = 1
21	7520130	Kỹ thuật ô tô	23.66	---	---	55.78	TTNV = 1
22	7520201	Kỹ thuật điện	23.88	---	82.76	56.39	TTNV <= 4
23	7520201 DS	Kỹ thuật điện (chuyên ngành Hệ thống điện đường sắt tốc độ cao, Đường sắt đô thị)	23.39	25.58	---	55.07	TTNV <= 9
24	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	23.67	---	81.80	55.80	TTNV = 1
25	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	25.42	---	90.30	61.12	TTNV <= 2
26	7520216 DS	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá (chuyên ngành Điều khiển và thông tin tín hiệu đường sắt hiện đại)	24.39	26.25	---	57.80	TTNV <= 8
27	7520216-GTTM	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá (chuyên ngành Hệ thống giao thông thông minh)	25.56	27.03	---	61.69	TTNV <= 2

Năm ngoái, điểm chuẩn dựa vào điểm thi tốt nghiệp THPT của trường là từ 20 đến 26,45, cũng cao nhất ở ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, đào tạo tại cơ sở Hà Nội.

Trường sẽ quy đổi điểm chuẩn giữa các phương thức về cùng thang điểm 30, theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Mức học phí nhà trường áp dụng cho các chương trình chuẩn: các ngành thuộc khối ngành III (Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính - Ngân hàng) là 398.060 đồng/tín chỉ.

Các ngành thuộc khối ngành V (Logistics và Quản lý chuỗi Cung ứng, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật ô tô, Kỹ thuật cơ điện tử, Kiến trúc, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật xây dựng GTVT...) là 466.438 đồng/tín chỉ.

Các ngành thuộc khối ngành VII (Khai thác vận tải, Quản trị dịch vụ du lịch) là 425.524 đồng/tín chỉ. Chương trình tiên tiến, chất lượng cao: Các ngành thuộc khối ngành III là 694.935 đồng /tín chỉ, các ngành thuộc khối ngành V là 766.810 đồng/tín chỉ.

Hoàng Bách (t/h)